



Tiếng Trung Yixin

Ngành Công nghệ Giáo dục - Trường Trung Quốc-Hà Nội

# 第八课练习



LIVEWORKSHEETS



## 01 排序部件

SẮP XẾP CÁC BỘ PHẬN ĐÃ CHO  
THÀNH MỘT CHỮ HÁN HOÀN CHỈNH

Các bạn chỉ gõ số thứ tự các  
bộ phận cần sắp xếp.



## 02 打汉字+朗读

GÕ VÀ ĐỌC TO CHỮ HÁN

Sau khi sắp xếp xong, các bạn  
gõ chữ Hán vào ô vuông nhỏ,  
tiếp theo nhấn vào kí hiệu  
thu âm và đọc to chữ Hán ấy.





日

(1)

口

(2)

勾

(3)

Nhập đáp án sắp xếp như sau: 1-2-3

Gõ chữ Hán vào ô sau:

Đọc to chữ Hán:



尔

(1)

人

(2)

儿

(3)

Nhập đáp án sắp xếp như sau: 1-2-3

Gõ chữ Hán vào ô sau:

Đọc to chữ Hán:

卑 口

(1)

(2)

Nhập đáp án sắp xếp như sau: 1-2-3

Gõ chữ Hán vào ô sau:

Đọc to chữ Hán:

父

(1)

酉

(2)

ム

(3)

Nhập đáp án sắp xếp như sau: 1-2-3

Gõ chữ Hán vào ô sau:

Đọc to chữ Hán:



口

(1)

一

(2)

吉

(3)

Nhập đáp án sắp xếp như sau: 1-2-3

Gõ chữ Hán vào ô sau:

Đọc to chữ Hán: